

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN LƯƠNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2018

*“Xin ly hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Lê Thị Bích Ngọc

2/ Ông Danh Đảnh

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ý – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

*Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:*  
Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2015/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 về “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị L, sinh năm 1980, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Bá D, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đồng địa chỉ: Tổ 01, ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2018 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Tạ Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Bá D kết hôn với nhau vào năm 2000, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau do mâu thuẫn về kinh tế (về tiền bạc) nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân hơn hai năm nay, tình cảm hiện nay không thể hàn gắn lại nên chị L xin được ly hôn với anh Vũ Bá D.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Vũ Anh K, sinh ngày 16/7/2001 và Vũ Ái K, sinh ngày 07/6/2009, chị xin được nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 13/4/2018 bị đơn anh Vũ Bá D trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2000 anh và chị Tạ Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Tuy cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, anh và chị L đã sống ly thân gần 02 năm nay nhưng hiện tại anh còn thương vợ và hai con nên không muốn ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Vũ Anh K, sinh ngày 16/7/2001 và Vũ Ái K, sinh ngày 07/6/2009, anh D đồng ý giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vũ Bá D có đơn xin xét xử vắng mặt và Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện xin ly hôn và xin được nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Tạ Thị L và anh Vũ Bá D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Ngày 27/3/2000 anh chị đã được UBND xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01. Do đó, hôn nhân của chị L và anh D đã

tuân thủ đúng quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy cần áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh D là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, phía nguyên đơn đã xác nhận hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Hơn nữa, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn lại được, chứng tỏ cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, qua xác minh tại địa phương cũng đã xác nhận giữa chị L và anh D cũng có những mâu thuẫn nhưng chủ yếu là về kinh tế, anh chị cũng đã sống ly thân gần 02 năm nay, hiện tại anh D sống trong vương tôn, không sống chung cùng với chị L và hai con. Vì lẽ đó, xét thấy yêu cầu của chị L xin được ly hôn với anh D là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh D giao 02 người con chung tên Vũ Anh K, sinh ngày 16/7/2001 và Vũ Ái K, sinh ngày 07/6/2009 cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền yêu cầu việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên miễn xét.

[6] Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ, chị L yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001776 ngày 20/3/2018 (đã thực hiện xong).

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị L với anh Vũ Bá D.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Vũ Anh K, sinh ngày 16/7/2001 và Vũ Ái K, sinh ngày 07/6/2009 cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền yêu cầu việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên miễn xét.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144, 146 Bộ luật tố Tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Án phí HNGĐ-ST là 300.000đ, chị L yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001776 ngày 20/3/2018 (đã thực hiện xong).

3/ Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2018). Anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THADS huyện Kiên Lương;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Cao Thị Mai**